

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN VIỆT NAM - HÀN QUỐC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN VIỆT NAM - HÀN QUỐC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM - KOREA AGRICULTURAL PRODUCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VKAGRI., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108998721

3. Ngày thành lập: 22/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42, ngách 12, ngõ 416, phố Vĩnh Hưng, tổ 6, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 090 1339 135

Fax:

Email: vkfyenchau@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; - Tư vấn du học;	8560
2.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);	7830
3.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính;	8559
4.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299

6.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị giao dục, dạy nghề; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3290
7.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
8.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
9.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
10.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
11.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
12.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
13.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
17.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
18.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
21.	Xây dựng công trình điện	4221
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Đào tạo trung cấp	8532
24.	Giáo dục mẫu giáo	8512
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
27.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
28.	Đào tạo cao đẳng	8533
29.	Đào tạo đại học	8541
30.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Gồm các cây lâu năm như: cây dâu tằm, cây cau, cây trầu không	0129
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Giáo dục nhà trẻ	8511
33.	Giáo dục tiểu học	8521

34.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
36.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh	0119
37.	Chăn nuôi gia cầm	0146
38.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
39.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
40.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
41.	Đào tạo thạc sỹ	8542
42.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
45.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
46.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
47.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
48.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
49.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
50.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
51.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
52.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
53.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
54.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
55.	Sản xuất chè	1076
56.	Sản xuất cà phê	1077

57.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn; - Sản xuất nước có mùi vị hoặc nước ngọt không cồn, có ga hoặc không có ga: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng...	1104
58.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
59.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
60.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
61.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
62.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
63.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
67.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
68.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
69.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
70.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
71.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như : + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo , + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Móc gài, khoá, bản lề. - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược;	2599

72.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
73.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
74.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
75.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả)	3250
76.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
77.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
78.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
79.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
80.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; - Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; - Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; - Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; - Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự; - Dịch vụ phục vụ đàn organ và nhạc cụ tương tự	3319
81.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
82.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
83.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ uống	4633
86.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (trừ thuốc lá ngoại)	4634
87.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
90.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại	4669(Chính)
91.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
92.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
93.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
94.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thuốc lá ngoại)	4724
95.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
96.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
97.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

98.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ kính đeo mắt, - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; - Bán lẻ dầu hỏa, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau - Bán lẻ hàng hóa phi lương thực thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào	4773
99.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
100.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Thiết kế quy hoạch xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng	7110
101.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
102.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ. - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác	7490
103.	Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);	7820
104.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá ngoại)	4711
105.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu: + Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; + Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;	4649
106.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

107.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
108.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764

6. Vốn điều lệ: 33.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ GIA CHIẾN	Thôn Tây Thịnh, Xã Thọ Vinh, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	165.000	1.650.000.000	5,000	0330750024 14	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	165.000	1.650.000.000	5,000		

2	VŨ GIA MỪNG	Số 54 Thanh Hà, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.475.000	24.750.000.000	75,000	033073002290
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.475.000	24.750.000.000	75,000	
3	GIANG THỊ KIM ANH	Số 54 Thanh Hà, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	660.000	6.600.000.000	20,000	011890546
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	660.000	6.600.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ GIA MỪNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *03/02/1973*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *033073002290*

Ngày cấp: *05/06/2017*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 54 Thanh Hà, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 3A, ngõ 273, đường Nguyễn Khoái, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*